

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM ĐÀU KHÍ DMC
MIỀN NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đỗ Thị Huyền	Chủ tịch
Ông Hoàng Việt Hưng	Ủy viên
Ông Đinh Việt An	Ủy viên
Bà Dương Mai Hoa	Ủy viên
Ông Đinh Thanh Phương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Việt Hưng	Giám đốc
Ông Bùi Đình Bá	Phó Giám đốc
Ông Dương Thế Nhân	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ông Hoàng Việt Hưng
Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

112506
NG T
PHÉM H
OITT
T NAM
1 - TP

Số: 4(4) /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2015. Công ty đã thay đổi chính sách phân bổ công cụ, dụng cụ từ 24 tháng lên 36 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng. Việc thay đổi chính sách phân bổ công cụ, dụng cụ làm chi phí hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty giảm khoảng 225 triệu VND so với việc áp dụng chính sách phân bổ cũ.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Xuân Anh
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0723-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Phạm Quỳnh Hoa".

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

11/03/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.782.402.814	53.319.099.008
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.353.211.953	11.957.930.970
1. Tiền	111	5	6.353.211.953	11.957.930.970
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.349.582.060	18.042.498.717
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.065.547.214	20.323.251.182
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		102.500.000	321.750.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.531.784.250	204.193.059
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.350.249.404)	(2.806.695.524)
III. Hàng tồn kho	140	8	32.230.173.058	22.324.226.747
1. Hàng tồn kho	141		32.230.173.058	22.324.226.747
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.849.435.743	994.442.574
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	13.207.575
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		783.420.112	826.449.410
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	3.066.015.631	154.785.589
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.592.144.732	4.285.797.994
I. Tài sản cố định	220		3.977.469.055	3.892.067.309
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.889.640.930	3.789.801.684
- Nguyên giá	222		21.190.924.978	20.026.548.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.301.284.048)	(16.236.747.014)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	87.828.125	102.265.625
- Nguyên giá	228		115.500.000	115.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.671.875)	(13.234.375)
II. Tài sản dài hạn khác	260		614.675.677	393.730.685
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		614.675.677	393.730.685
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		67.374.547.546	57.604.897.002

01/00
 CÔ
 MCHN
 DEL
 VIỆ
 NG DA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.404.458.837	23.283.382.888
I. Nợ ngắn hạn	310		32.404.458.837	23.283.382.888
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	25.294.905.142	17.565.420.731
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		315.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	28.002.543	21.425.179
4. Phải trả người lao động	314		8.154.621	4.462.658.453
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		302.961.647	163.809.800
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	542.166.968
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		177.098.332	73.718.665
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	6.579.491.960	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.529.592	454.183.092
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.970.088.709	34.321.514.114
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	34.970.088.709	34.321.514.114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	39.364.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	39.364.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		908.649.532	908.649.532
3. (Lỗ) lũy kế	421		(5.938.560.823)	(5.951.135.418)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.951.135.418)	(6.425.536.765)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.574.595	474.401.347
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		67.374.547.546	57.604.897.002

Bùi Thị Hương
 Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Vũ Thị Nhân
 Kế toán trưởng



Viết Hưng
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	348.413.165.943	481.876.888.836
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		348.413.165.943	481.876.888.836
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	336.870.245.921	464.779.858.975
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.542.920.022	17.097.029.861
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		50.264.215	94.364.979
6. Chi phí tài chính	22		91.836.066	152.623.416
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.836.066	149.103.751
7. Chi phí bán hàng	25		3.125.701.226	7.719.526.608
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.404.022.350	9.728.658.647
9. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.375.405)	(409.413.831)
10. Thu nhập khác	31		47.850.000	890.906.178
11. Chi phí khác	32		6.900.000	7.091.000
12. Lợi nhuận khác	40		40.950.000	883.815.178
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.574.595	474.401.347
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		12.574.595	474.401.347
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	3	121

[Handwritten signature]

Bùi Thị Hương
 Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

[Handwritten signature]

Võ Thị Nhân
 Kế toán trưởng




Nguyễn Việt Hưng
 Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.574.595	474.401.347
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.078.974.534	1.246.144.502
Các khoản dự phòng	03	543.553.880	2.081.699.257
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(50.264.215)	(94.364.979)
Chi phí lãi vay	06	91.836.066	149.103.751
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.676.674.860	3.856.983.878
Thay đổi các khoản phải thu	09	(5.718.837.967)	46.863.956.427
Thay đổi hàng tồn kho	10	(9.905.946.311)	717.944.370
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.521.761.251	(37.008.425.129)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(207.737.417)	(1.117.741.649)
Tiền lãi vay đã trả	14	(72.013.328)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.706.098.912)	13.312.717.897
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.164.376.280)	(277.741.293)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.000.000.000	-
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.264.215	94.364.979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.114.112.065)	(183.376.314)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	636.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	15.869.491.960	22.147.500.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.290.000.000)	(23.847.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.215.491.960	(1.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(5.604.719.017)	11.429.341.583
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.957.930.970	528.589.387
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	6.353.211.953	11.957.930.970


 Bà Thị Hương
 Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2016


 Vũ Thị Nhân
 Kế toán trưởng


 Hoàng Việt Hưng
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam, được chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2011 theo Quyết định số 946/QĐ-DMC của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP ngày 26 tháng 4 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 số 3500850392 ngày 09 tháng 12 năm 2013; theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND, tương đương 4.000.000 cổ phần. Trong đó:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP nắm giữ 3.548.300 cổ phần tương đương với 35.483.000.000 VND, chiếm 88,71% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 451.700 cổ phần tương đương với 4.517.000.000 VND, chiếm 11,29% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 135 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 140 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, xi măng giếng khoan và các chất dùng cho khoan thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp giấy, công nghiệp luyện cán thép;
- Mua bán hóa chất, mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất dung dịch khoan, khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp giấy.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam đã nhận thêm vốn góp từ các cổ đông khác với số tiền là 636.000.000 VND, theo đó vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

02/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

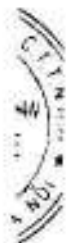
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2015</u> (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Trong năm 2015, Công ty đã thay đổi chính sách phân bổ công cụ, dụng cụ từ 24 tháng lên 36 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng. Việc thay đổi chính sách phân bổ công cụ, dụng cụ làm chi phí hoạt động kinh doanh của năm 2015 của Công ty giảm khoảng 225 triệu VND so với việc áp dụng chính sách phân bổ cũ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế, tuy nhiên Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng do không chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	272.727.681	145.839.507
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.080.484.272	11.812.091.463
	6.353.211.953	11.957.930.970

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.850.535.209	7.711.210.491
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Phúc An</i>	5.749.338.314	6.750.988.314
<i>Các khách hàng khác</i>	1.101.196.895	960.222.177
b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 22)	15.215.012.005	12.612.040.691
Tổng	22.065.547.214	20.323.251.182

7. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi						
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Phúc An</i>	5.749.338.314	2.874.669.157	<i>Từ 1 đến 2 năm</i>	6.750.988.314	4.657.981.037	<i>Từ 6 tháng đến 2 năm</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	475.580.247	-	<i>Trên 3 năm</i>	725.706.247	12.018.000	<i>Trên 2 năm</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAMSố 35 - Đường 30/4, Phường 9, TP. Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-ĐN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.033.420.650	-	13.235.950.424	-
Công cụ, dụng cụ	2.324.991.846	-	1.610.574.242	-
Thành phẩm	7.425.899.399	-	4.715.400.706	-
Hàng hoá	4.445.861.163	-	2.762.301.375	-
Cộng	32.230.173.058	-	22.324.226.747	-

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	7.121.796.510	5.866.060.343	6.972.440.297	66.251.548	20.026.548.698
Mua sắm mới	-	289.376.280	875.000.000	-	1.164.376.280
Tại ngày 31/12/2015	7.121.796.510	6.155.436.623	7.847.440.297	66.251.548	21.190.924.978
GIÁ TRỊ HAO MÓN LỖY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	6.623.737.164	5.487.845.649	4.058.912.653	66.251.548	16.236.747.014
Trích khấu hao trong năm	240.271.787	91.407.538	732.857.709	-	1.064.537.034
Tại ngày 31/12/2015	6.864.008.951	5.579.253.187	4.791.770.362	66.251.548	17.301.284.048
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	257.787.559	576.183.436	3.055.669.935	-	3.889.640.930
Tại ngày 31/12/2014	498.059.346	378.214.694	2.913.527.644	-	3.789.801.684

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11.654.989.622 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: là 8.461.594.450 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	115.500.000
Tại ngày 31/12/2015	115.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	13.234.375
Trích khấu hao trong năm	14.437.500
Tại ngày 31/12/2015	27.671.875
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	87.828.125
Tại ngày 31/12/2014	102.265.625

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	01/01/2015	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã thực nộp trong năm	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	751.834.283	3.663.064.325	2.911.230.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	154.785.589	-	-	154.785.589
Cộng	154.785.589	751.834.283	3.663.064.325	3.066.015.631

Chỉ tiêu	01/01/2015	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
b) Các khoản phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	21.425.179	219.065.929	212.488.565	28.002.543
Cộng	21.425.179	219.065.929	212.488.565	28.002.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	12.404.731.901	12.404.731.901	8.375.158.368	8.375.158.368
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh</i>	6.900.000.000	6.900.000.000	975.744.000	975.744.000
<i>Các đối tượng khác</i>	5.504.731.901	5.504.731.901	7.399.414.368	7.399.414.368
b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 22)	12.890.173.241	12.890.173.241	9.190.262.363	9.190.262.363
	25.294.905.142	25.294.905.142	17.565.420.731	17.565.420.731

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	15.869.491.960	9.290.000.000	6.579.491.960
Cộng	-	15.869.491.960	9.290.000.000	6.579.491.960

Vay ngắn hạn thể khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam-chỉ nhánh Vũng Tàu (VIB) theo các khế ước số 3 và số 4 của Hợp đồng tín dụng số 2015.0148.KUNN.622 ngày 24/6/2015. Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Khế ước số 3 với số tiền là 3.579.491.960 VND, thời hạn vay 4 tháng từ ngày 09/12/2015 đến ngày 09/4/2016. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 5,5%/năm. Lãi suất này sẽ được điều chỉnh lãi suất 02 tuần cộng biên độ theo chính sách của VIB tại từng thời kỳ. Khoản vay này được trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

- Khế ước số 4 với số tiền là 3.000.000.000 VND, thời hạn vay 3 tháng từ ngày 14/12/2015 đến ngày 14/3/2016. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 5,5%/năm. Lãi suất này sẽ được điều chỉnh lãi suất 02 tuần cộng biên độ theo chính sách của VIB tại từng thời kỳ. Khoản vay này được trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

01/12/2015
 TỶ
 20/11
 TE
 M
 1/12

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAMSố 35 - Đường 30/4, Phường 9, TP. Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lỗi lỗi kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	39.364.000.000	826.520.936	82.128.602	(6.425.536.765)	33.847.112.767
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	474.401.347	474.401.347
Kết chuyển số dư giữa các quỹ	-	82.128.602	(82.128.602)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	39.364.000.000	908.649.532	-	(5.951.135.418)	34.321.514.114
Tăng vốn trong năm	636.000.000	-	-	-	636.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	12.574.595	12.574.595
Số dư tại ngày 31/12/2015	40.000.000.000	908.649.532	-	(5.938.560.823)	34.970.088.709

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (sửa đổi lần thứ 8), vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND, tương đương 4.000.000 cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8		Vốn đã góp	Vốn đã góp
	VND	%	31/12/2015	31/12/2014
			VND	VND
Tổng Công ty Dung dịch				
Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (*)	35.483.000.000	88,71	35.483.000.000	35.483.000.000
Cổ đông khác	4.517.000.000	11,29	4.517.000.000	3.881.000.000
	40.000.000.000	100	40.000.000.000	39.364.000.000

(*) Vốn đã góp của Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP bao gồm 5.483.000.000 VND là vốn góp bằng tiền, giá trị vốn góp còn lại bằng tài sản và các khoản công nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.***15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu rắn, lỏng, khí, than đá, dầu mỏ, dầu thô, dầu nhờn, phân bón, tơ, xơ, sợi dệt, cao su, chất dẻo dạng nguyên sinh và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp, các loại hình kinh doanh dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh nói trên.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng	320.656.965.025	451.732.786.939
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.756.200.918	30.144.101.897
Tổng	348.413.165.943	481.876.888.836
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 22)	107.388.135.590	208.456.485.782

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	322.636.587.940	447.077.709.023
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.233.657.981	17.702.149.952
	<u>336.870.245.921</u>	<u>464.779.858.975</u>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.405.871.483	36.398.824.340
Chi phí nhân công	11.787.159.601	20.493.549.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.078.974.534	1.246.144.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.852.501.951	17.930.143.566
Chi phí khác bằng tiền	7.591.980.210	11.587.154.279
	<u>58.716.487.779</u>	<u>87.655.816.637</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	12.574.595	474.401.347
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Chuyển lỗ</i>	<u>(12.574.595)</u>	<u>(474.401.347)</u>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
<i>Thu nhập chịu thuế suất thường 22%</i>	<u>-</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	12.574.595	474.401.347
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	12.574.595	474.401.347
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu) (*)	3.976.825	3.936.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3	121

(*) Tại ngày 14 tháng 5 năm 2015, Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam tăng số cổ phiếu lưu hành lên 4.000.000 cổ phiếu, do đó số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2015 là 3.976.825 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp và các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	6.579.491.960	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.353.211.953	11.957.930.970
Nợ thuần	226.280.007	-
Vốn chủ sở hữu	<u>34.970.088.709</u>	<u>34.321.514.114</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,01</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	6.353.211.953	11.957.930.970
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.247.082.060	17.720.748.717
Tổng cộng	<u>26.600.294.013</u>	<u>29.678.679.687</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	6.579.491.960	-
Phải trả người bán và phải trả khác	25.317.885.142	17.562.172.390
Chi phí phải trả	302.961.647	163.809.800
Tổng cộng	<u>32.200.338.749</u>	<u>17.725.982.190</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phân ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	6.353.211.953	-	6.353.211.953
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.247.082.060	-	20.247.082.060
Tổng cộng	26.600.294.013	-	26.600.294.013
<hr/>			
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	6.579.491.960	-	6.579.491.960
Phải trả người bán và phải trả khác	25.317.885.142	-	25.317.885.142
Chi phí phải trả	302.961.647	-	302.961.647
Tổng cộng	32.200.338.749	-	32.200.338.749
<hr/>			
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.600.044.736)	-	(5.600.044.736)

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	11.957.930.970	-	11.957.930.970
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.720.748.717	-	17.720.748.717
Tổng cộng	29.678.679.687	-	29.678.679.687

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	17.562.172.390	-	17.562.172.390
Chi phí phải trả	163.809.800	-	163.809.800
Tổng cộng	17.725.982.190	-	17.725.982.190
<hr/>			
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.952.697.497	-	11.952.697.497

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức có thể kiểm soát. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐÚ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Dịch vụ khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Trung
Công ty TNHH Dịch vụ khoan M-1 Việt Nam
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ khoan và Dịch vụ giếng
khoan - DMC
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm
PTSC
Viện Dầu khí Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

2015/12/31

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Bán hàng hóa	80.126.267.968	177.506.016.222
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	4.298.772.094	13.805.768.540
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	56.000.000	106.000.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	259.950.000	-
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	18.001.307.086	26.651.375.111
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	37.683.270.000	95.901.700.000
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	4.758.420.000	8.323.271.000
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	6.577.046.788	28.275.530.571
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	6.084.615.000	3.401.555.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	2.406.887.000	1.040.816.000
Cung cấp dịch vụ	27.261.867.622	30.950.469.560
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	11.734.013.237	17.558.100.230
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	3.918.307.205	4.404.526.633
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	11.609.547.180	8.987.842.697
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	4.136.500.200	6.598.212.860
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	4.131.097.700	6.598.212.860
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	5.402.500	-
Mua dịch vụ	13.030.742.833	12.733.901.808
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	475.200.000	-
Tổng Công ty Dung Dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	12.555.542.833	12.733.901.808

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAM

Số 35 - Đường 30/4, Phường 9, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.243.734.500	939.784.700
Công ty TNHH Dung dịch Khoan MI - Việt Nam	683.043.262	4.565.442.015
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling	72.717.146	5.411.563.239
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	12.142.175.597	212.394.637
Liên Doanh Việt - Nga Vietsovetro	-	1.482.856.100
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	1.073.341.500	-
Tổng	15.215.012.005	12.612.040.691
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	12.690.473.741	8.980.514.363
Liên Doanh Việt - Nga Vietsovetro	199.699.500	209.748.000
Tổng	12.890.173.241	9.190.262.363

Thu nhập của Ban Giám đốc


Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương, thưởng và các khoản lợi ích khác	917.833.520	1.302.143.289


23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:


	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Bảng Cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	44.239.179	159.953.880	204.193.059
Tài sản ngắn hạn khác	159.953.880	(159.953.880)	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	542.166.968	542.166.968
Phải trả ngắn hạn khác	615.885.633	(542.166.968)	73.718.665
Quỹ đầu tư phát triển	413.260.465	495.389.067	908.649.532
Quỹ dự phòng tài chính	495.389.067	(495.389.067)	-


Bùi Thị Hương
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2016


Vũ Thị Nhân
Kế toán trưởng




Việt Hưng
Giám đốc